

Số: /BC-HĐND

Đắk Nông, ngày tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của HĐND tỉnh Đắk Nông về việc quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Thực hiện chương trình công tác năm 2023, Ban Văn hóa – Xã hội HĐND tỉnh đã tổ chức làm việc với Sở Tài chính để khảo sát kết quả việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của HĐND tỉnh về việc quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (viết tắt là Nghị quyết số 10). Ban Văn hóa – Xã hội tổng hợp báo cáo kết quả khảo sát như sau:

I. Kết quả triển khai thực hiện:

1. Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn để triển khai thực hiện:

Sau khi Nghị quyết số 10 được thông qua, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 3547/UBND ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông. Trên cơ sở đó, hằng năm, UBND tỉnh đã xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh¹.

Sở Tài chính cũng đã ban hành một số văn bản giải đáp thắc mắc, kiến nghị của các cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện Nghị quyết số 10 của HĐND tỉnh, cụ thể: Công văn số 569/STC-QLNS ngày 20/3/2020 về việc ý kiến về một số nội dung có liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND; Công văn số 742/STC-QLNS ngày 09/5/2022 về việc trả lời UBND huyện Tuy Đức về đối tượng áp dụng tại Nghị quyết 10/2019/NQ-HĐND.

¹ Cụ thể: Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 05/02/2020 về việc ban hành kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đắk Nông năm 2020; Kế hoạch số 762/KH-UBND ngày 29/12/2020 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đắk Nông năm 2021; Kế hoạch số 915/KH-UBND ngày 31/12/2021 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đắk Nông năm 2022; Quyết định số 1121/QĐ-UBND ngày 08/7/2022 ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 ban hành Kế hoạch củng cố và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022-2026, định hướng đến năm 2023; Kế hoạch số 598/KH-UBND ngày 20/10/2022 về Bồi dưỡng Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn, buôn, bon, và Tô trưởng tổ dân phố theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2022.

Nhìn chung, việc ban hành các văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết số 10 đã được quan tâm, thể hiện quyết tâm hoàn thành mục tiêu nâng cao toàn diện chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (CBCCCVC), đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới; gắn đào tạo, bồi dưỡng với nhu cầu và quy hoạch sử dụng lâu dài; có cơ chế khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức nữ, người dân tộc thiểu học tập nâng cao trình độ, năng lực, chuyên môn phục vụ nhiệm vụ được giao.

2. Kết quả thực hiện chi trả các mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Hàng năm, các cơ quan, đơn vị được bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp để thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng và tổ chức các lớp bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, các đơn vị chủ động sắp xếp, cân đối từ nguồn kinh phí được giao của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức; đóng góp của cán bộ, công chức, viên chức; nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;... để tổ chức thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng.

Đối với các chức danh tương đương quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 10, đến thời điểm khảo sát chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể các chức danh lãnh đạo tương đương theo quy định tại khoản 4 Điều 3 của Nghị quyết số 10 dẫn đến việc thanh toán tiền thù lao cho giảng viên, báo cáo viên cho một số chức danh không có cơ sở áp dụng.

3. Về kinh phí thực hiện:

Theo báo cáo của Sở Tài chính (tổng hợp từ số liệu báo cáo của các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thành phố) tổng kinh phí đã thực hiện chi trả các nội dung, mức chi tại Nghị quyết 10 cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị trên bàn tỉnh từ năm 2019 đến năm 2022, là 47.432 triệu đồng², cụ thể:

- Năm 2019 là 13.218 triệu đồng (Cấp tỉnh 9.157 triệu đồng; Cấp huyện 4.061 triệu đồng);

- Năm 2020 là 12.772 triệu đồng (Cấp tỉnh 7.474 triệu đồng; Cấp huyện 5.298 triệu đồng);

- Năm 2021 là 7.467 triệu đồng (Cấp tỉnh 3.345 triệu đồng; Cấp huyện 4.122 triệu đồng);

² Báo cáo số 96/BC-STC ngày 12/5/2023 của Sở Tài chính.

- Năm 2022 là 13.975 triệu đồng (Cấp tỉnh 5.847 triệu đồng; Cấp huyện 8.128 triệu đồng).

Trong đó:

+ Kinh phí chi đào tạo cán bộ công chức trong nước khoảng 21.057 triệu đồng (chiếm tỷ lệ 44,4% trên tổng kinh phí thực hiện). Gồm: chi phí dịch vụ đào tạo cán bộ công chức là 13.602 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 64,6% kinh phí đào tạo CBCC; chi mua tài liệu là 347 triệu đồng, chiếm 1,6%; các nội dung chi trực tiếp cho con người (chi hỗ trợ tiền ăn, chi phí đi lại, thuê chỗ nghỉ, chi cho CBCC là nữ, người dân tộc thiểu số) là 7.108 triệu đồng, chiếm 33,8% kinh phí đào tạo CBCC.

+ Kinh phí chi bồi dưỡng CBCC trong nước là 18.930 triệu đồng, chiếm 39,9% trên tổng kinh phí. Trong đó: chi trực tiếp cho con người (chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên) là 8.851 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 46,8%; chi cho giảng viên, báo cáo viên (thù lao, tiền ăn,...) là 4.759 triệu đồng, chiếm 25%; chi thanh toán tiền phương tiện đi lại, thuê phòng nghỉ: 3.080 triệu đồng, chiếm 16,4%; chi phí tổ chức lớp học (nước uống, khen thưởng, đi thực tế, coi thi, chấm thi,...) là 2.241 triệu đồng, chiếm 11,8%.

+ Kinh phí chi đào tạo, bồi dưỡng viên chức 4.636 triệu đồng, chiếm 9,8% tổng kinh phí thực hiện.

+ Các nội dung mức chi khác (trang trí, vệ sinh, văn phòng phẩm,...) là 2.809 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 5,9% tổng kinh phí thực hiện.

II. Đánh giá kết quả triển khai thực hiện:

1. Đánh giá tình hình, kết quả đạt được, tính hiệu quả, phù hợp của Nghị quyết

Nghị quyết số 10 được ban hành trên cơ sở các nội dung và mức chi được Bộ Tài chính quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 và tình hình thực tế khả năng ngân sách địa phương. Sau khi Nghị quyết ban hành đã tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các đơn vị trong việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng; cụ thể: hỗ trợ kịp thời kinh phí liên quan đến các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho học viên; tác động tích cực đến việc nâng cao chất lượng, nội dung đào tạo, bồi dưỡng; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị, địa phương được chú trọng, tạo mọi điều kiện cho CBCCVC được học tập nâng cao trình độ, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, lý luận chính trị....

Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức ngày càng nâng lên về trình độ chuyên môn, kiến thức và kỹ năng góp phần tích cực trong việc nâng cao năng lực công tác, chất lượng và hiệu quả làm việc của CBCCVC tại đơn vị.

Các cơ quan, đơn vị đã chủ động xây dựng nội dung, mức chi để đưa vào quy chế chi tiêu nội bộ làm căn cứ chi trả cho CBCCVC được cử đi đào tạo bồi

dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với quy định của pháp luật về cơ chế tài chính của đơn vị mình.

Đồng thời, trên cơ sở các kế hoạch đào tạo được ban hành, các đơn vị có chức năng chuyên môn được giao nhiệm vụ và được NSNN bố trí kinh phí để tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho CBCCVC trên địa bàn tỉnh³.

Nội dung, hình thức đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC phong phú, đa dạng, có nhiều đổi mới; chất lượng đào tạo, bồi dưỡng từng bước được nâng lên. Trong đó, công tác đào tạo từng bước đi vào nề nếp, có sự phân cấp cụ thể về thẩm quyền đào tạo từng cấp học theo các văn bản hướng dẫn của Trung ương. Việc cử cán bộ tham gia đào tạo được thực hiện đúng quy trình, bảo đảm đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy hoạch nhất quán và chặt chẽ; quan tâm đào tạo gắn với quy hoạch cán bộ là nữ, là người dân tộc thiểu số. Chất lượng bồi dưỡng ngày càng thiết thực theo hướng có trọng tâm, phù hợp vị trí việc làm của CBCCVC...

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Qua khảo sát thực tế cho thấy, một số nội dung chi tại Nghị quyết số 10 quy định giao các cơ quan, đơn vị tự cân đối, đảm bảo từ nguồn chi hoạt động thường xuyên của đơn vị (mức chi quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 10). Trong khi nguồn kinh phí chi đào tạo, bồi dưỡng được giao với định mức thấp (800.000 đồng/biên chế/năm), đồng thời hiện nay đang thực hiện chủ trương tiết kiệm, thắt chặt chi tiêu, nên việc chi hỗ trợ cho CBCCVC tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ quan, đơn vị gặp rất nhiều khó khăn; một số đơn vị không đảm bảo thực hiện nhiệm vụ (các năm 2021, 2022 Sở Công Thương không chi trả chế độ do nguồn kinh phí được giao không đủ cân đối để thực hiện).

Hiện nay nhu cầu đào tạo của CBCCVC rất lớn, các khoản chi phí tổ chức và tham gia hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ngày càng tăng. Với định mức chi và nguồn kinh phí bố trí từ ngân sách nhà nước hàng năm cho các cơ quan, đơn vị là tương đối thấp, không cân đối đủ để đảm bảo các chế độ theo quy định. Đối với các đơn vị có số lượng biên chế lớn chủ yếu chỉ thực hiện thanh

³ Một số lớp đào tạo, bồi dưỡng như: Trường Chính trị thực hiện mở các lớp Trung cấp lý luận chính trị; bồi dưỡng chuyên viên; chuyên viên chính; bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng; cán bộ cấp ủy cơ sở; Sở Nội vụ thực hiện mở các lớp bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp xã; bồi dưỡng kiến thức về đạo đức, về văn hóa công vụ, quy tắc ứng xử cho cán bộ công chức, viên chức; Ban Dân tộc tỉnh thực hiện mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức dân tộc trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; các lớp tuyên truyền về tào hôn và hôn nhân cận huyết thống, bình đẳng giới trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh,...

toán chi học phí cho CBCCVC khi tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn; các nội dung chi khác theo quy định tại Nghị quyết số 10 chưa áp dụng được như: chi hỗ trợ một phần tiền ăn, chi phí đi lại, thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ, chi hỗ trợ CBCC là nữ, CBCC là người DTTS,... Đặc biệt, đối với ngành y tế, ngành giáo dục và đào tạo, nhu cầu đào tạo sau đại học; nhu cầu tập huấn cập nhật kiến thức; bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ phục vụ công tác phải thực hiện thường xuyên, liên tục và đòi hỏi nguồn kinh phí lớn.

b) Việc thanh toán tiền thù lao cho giảng viên, báo cáo viên đối với một số chức danh chưa có cơ sở áp dụng do chưa có hướng dẫn cụ thể các chức danh lãnh đạo tương đương theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 10 của HĐND tỉnh (tính đến thời điểm khảo sát của Ban Văn hóa – Xã hội).

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 10, việc thanh toán tiền thù lao cho giảng viên, báo cáo viên phải trên cơ sở thỏa thuận theo hình thức hợp đồng công việc. Tuy nhiên, thực tế hiện nay, hầu hết giảng viên, báo cáo viên đều là CBCCVC đang công tác tại các cơ quan, đơn vị được hưởng lương từ NSNN. Do đó, việc thực hiện chi trả tiền thù lao gặp nhiều vướng mắc.

c) Tại các địa phương, thường xuyên mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho các đối tượng như cán bộ không chuyên trách ở cấp xã, cấp thôn, các chi hội đoàn thể, cán bộ cốt cán, chức sắc, chức việc các tôn giáo ở cơ sở; lính nghĩa vụ công an, quân sự,... nhưng nguồn kinh phí được cấp hàng năm không đảm bảo để thực hiện các nội dung chi cho các nhóm đối tượng nêu trên.

Bên cạnh đó, theo quy định tại Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 05/5/2022 của HĐND tỉnh quy định các chức danh hoạt động không chuyên trách ở thôn, buôn, bản, làng, tổ dân phố ở phường, thị trấn chỉ có 3 chức danh là Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố và Trưởng ban công tác mặt trận là đối tượng không chuyên trách. Vì vậy việc chi trả chế độ hỗ trợ cho một số đối tượng tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 10⁴ không thực hiện được, đã làm ảnh hưởng tới chất lượng các khóa đào tạo, bồi dưỡng và tâm lý tham dự các lớp học của những người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

d) Việc phối hợp tham mưu, đề xuất UBND tỉnh hướng dẫn triển khai các nội dung liên quan sau khi Nghị quyết số 10 được ban hành của Sở Tài chính, Sở Nội vụ còn chậm hoặc chưa cụ thể để tháo gỡ vấn đề khó khăn, vướng mắc về kinh phí hỗ trợ (mức hỗ trợ, nguồn kinh phí hỗ trợ) phục vụ nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

⁴ Điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 10: *Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, buôn, bản, làng, tổ dân phố ở phường, thị trấn.*

e) Quy chế đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC tỉnh Đắk Nông⁵ được ban hành chủ yếu quy định các nội dung về nguyên tắc, tiêu chuẩn, điều kiện, thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai thực hiện quy trình, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC; các vướng mắc chủ yếu về việc bố trí đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng theo mức chi của Nghị quyết số 10 chưa được tháo gỡ, giải quyết.

III. Kiến nghị, đề xuất

Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo:

1. Sở Nội vụ, Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với các đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố kiểm tra, khảo sát việc thực hiện các nội dung quy định tại Nghị quyết số 10 trong thời gian qua. Tổ chức đánh giá tình hình bố trí, sử dụng kinh phí và kết quả thực hiện theo nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng thường xuyên hàng năm cho CBCCVC thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, khảo sát, đề xuất các giải pháp cụ thể để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Trường hợp xét thấy cần thiết, kiến nghị việc điều chỉnh, bổ sung hoặc sửa đổi Nghị quyết số 10 cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. Qua kết quả khảo sát thực tế; nắm bắt, theo dõi phản ánh từ các cơ quan, đơn vị, địa phương cho thấy, việc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC trên địa bàn tỉnh cần xem xét ở các vấn đề sau:

a) Định mức chi đào tạo, bồi dưỡng; định mức chi hoạt động thường xuyên phân bổ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định tại Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của HĐND tỉnh quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Đắk Nông năm 2022 là thấp so với nhu cầu thực tế, do đó, không đảm bảo tự cân đối thực hiện nhiệm vụ.

b) Các nội dung liên quan nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên cho CBCCVC nhiều, trong đó có những nội dung bắt buộc phải thực hiện nhằm hoàn thiện tiêu chuẩn điều kiện theo vị trí việc làm; đồng thời phục vụ mục tiêu xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý; phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhiệm vụ chính trị của tỉnh, bao gồm: lý luận chính trị; kiến thức quốc phòng, an ninh; kiến thức, kỹ năng QLNN; kiến thức, kỹ năng chuyên ngành,

⁵ Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đắk Nông.

chuyên môn, nghiệp vụ; đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ, chuyên môn các ngành, lĩnh vực.

c) Các quy định hiện hành về đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC của tỉnh Đắk Nông hiện nay (Nghị quyết số 10, Quyết định số 41) chưa xem xét, xác định, phân loại cụ thể về nhiệm vụ, nội dung, đối tượng với nguồn kinh phí thực hiện tương ứng và cơ quan đầu mối được giao quản lý, tổ chức triển khai.

Trong điều kiện nguồn ngân sách hạn chế và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng lớn, cần thiết xác định, phân loại nội dung đào tạo, đối tượng đào tạo để bố trí kinh phí thực hiện theo thứ tự ưu tiên (1) do NSNN đảm bảo toàn bộ, (2) do NSNN hỗ trợ, (3) cơ quan quản lý CBCCVC cân đối hỗ trợ thêm, (4) hoặc do các cá nhân tham gia đóng góp.

Các nội dung vấn đề nêu trên, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn nghiên cứu, tham mưu, đề xuất quy định cụ thể, tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tốt nhiệm vụ trong thời gian tới./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các thành viên Ban VHXH HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở: Tài chính; Nội vụ;
- HĐND và UBND các huyện, thành phố;
- Phòng CTHĐND;
- Wedside cơ quan;
- Lưu VT, VHXH;

**TM. BAN VĂN HÓA – XÃ HỘI
KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Kiều Châu Loan

